TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 882/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 839/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn", giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1967 - Số CC: 033167010328 do Cục trưởng cục C1 về TTXH cấp ngày 10/5/2021;

- ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1955 - Số CC: 001055016809 do Cục trưởng cục C1 về TTXH cấp ngày 15/4/2021.

Cùng trú tại: Ngách A Ngõ N, số nhà B và số D, tổ I, phường L, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của giữa bà Vũ Thị H và ông Nguyễn Văn K, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa bà H và ông K thống nhất xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 02/11/2000 và cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 11/5/2002. Nay cháu N và cháu T đã đến tuổi trưởng thành, bà H và ông K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng (là động sản và bất động sản): Bà H và ông K thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.3. Về công nợ chung vợ chồng: Bà H và ông K thống nhất xác định không vay nợ ai, không ai vay nợ ông bà và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về công nợ chung vợ chồng nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị Hồng C cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số ngày /2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội. Hoàn trả bà H 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- UBND xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 02 do UBND thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội - nay là UBND xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 04/12/2021);
- Các đương sự;
- Lưu HS;

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng